

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

THEO ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH XÂY DỰNG
VÙNG HUYỆN TUY PHƯỚC ĐẾN NĂM 2035 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
ĐỊA ĐIỂM: THUỘC TOÀN BỘ ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH HUYỆN TUY PHƯỚC.

Bình Định, Năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

-----  -----

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ
ĐIỀU CHỈNH TỔNG THỂ QUY HOẠCH XÂY DỰNG
VÙNG HUYỆN TUY PHƯỚC ĐẾN NĂM 2035
VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày ... tháng
...năm 2023 của UBND tỉnh)*

**Cơ quan thẩm định
SỞ XÂY DỰNG**

**Chủ đầu tư
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**Đơn vị tư vấn
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
PHƯƠNG VIỆT QUY NHƠN**

PHẦN I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch các đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo đề án điều chỉnh tổng thể quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../2023.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn huyện Tuy Phước, đảm bảo theo đúng đề án đã được phê duyệt.

3. Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng của tỉnh, của huyện Tuy Phước quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn các khu vực trong huyện.

Điều 2. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi, ranh giới vùng quản lý:

* Phạm vi ranh giới lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước bao gồm toàn bộ địa giới hành chính huyện Tuy Phước với 13 đơn vị hành chính trực thuộc, bao gồm 02 thị trấn (Tuy Phước, Diêu Trì) và 11 xã (Phước Thắng, Phước Hưng, Phước Quang, Phước Hòa, Phước Sơn, Phước Nghĩa, Phước Hiệp, Phước Lộc, Phước Thuận, Phước An, Phước Thành). Có giới cận cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp: Huyện Phù Cát và thành phố Quy Nhơn;
- Phía Tây giáp: Thị xã An Nhơn và huyện Vân Canh.
- Phía Nam giáp: Thành phố Quy Nhơn;
- Phía Bắc giáp: Huyện Phù Cát và thị xã An Nhơn.

* Quy mô diện tích lập quy hoạch: khoảng 219,872 km².

* Quy mô dân số: Hiện trạng là 180.307 người, dự báo đến năm 2025 là 197.500 người, đến năm 2035 khoảng 236.800 người.

* Thời hạn lập quy hoạch: giai đoạn đến năm 2035; tầm nhìn định hướng đến năm 2050.

2. Tính chất của vùng quản lý:

- Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đảm bảo tính ổn định, phát triển bền vững; kết hợp chặt chẽ việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an toàn xã hội.

- Tuy Phước là huyện đồng bằng ven biển, là đầu mối giao thông đặc biệt quan trọng cấp vùng, có vị trí quan trọng trong hệ thống đô thị toàn tỉnh Bình Định, có vai trò đầu mối liên kết các khu vực tạo động lực phát triển tiểu vùng

phía Nam tỉnh bao gồm thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, Khu đô thị công nghiệp Becamex, đô thị Tây Sơn và các huyện Phù Cát, Vân Canh. Là cửa ngõ phía Tây Bắc của Thành Phố Quy Nhơn và là vùng phát triển mở rộng của thành phố Quy Nhơn. Là vùng phát triển đa ngành (đô thị, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, logistics, du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao), trên cơ sở bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị tự nhiên, văn hóa, lịch sử là hướng phát triển ưu tiên. Định hướng phát triển văn hoá cùng thành phố Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hoá phía Nam vùng vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

- Làm cơ sở để quản lý quy hoạch, triển khai lập các chương trình phát triển đô thị; quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và các dự án có liên quan.

* Tầm nhìn quy hoạch đến năm 2050: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước gắn với quá trình đô thị hóa theo hướng vùng huyện Tuy Phước phấn đấu đạt các tiêu chí đô thị loại IV sau năm 2025. Trong đó ưu tiên phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, thương mại, logistic, du lịch trên cơ sở bảo tồn, tôn tạo, kế thừa và phát huy các giá trị tự nhiên, văn hóa, lịch sử (đặc biệt là hệ sinh thái khu vực đầm Thị Nại). Phát triển đô thị Tuy Phước theo hướng đô thị xanh, bền vững, đẩy mạnh phát triển thương hiệu du lịch Tuy Phước gắn liền với hệ sinh thái tự nhiên, văn hóa, lịch sử khu vực đầm Thị Nại.

3. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng:

a) Dự báo về phát triển dân số, lao động:

- Dân số: hiện trạng dân số khu vực lập quy hoạch khoảng 180.307 người; đến năm 2025, dân số toàn huyện sẽ đạt khoảng 197.500 người; đến năm 2035, dân số toàn huyện sẽ đạt khoảng 236.800 người.

- Tổng lao động làm việc trong các ngành kinh tế đến năm 2025 chiếm khoảng 61,5% dân số; đến năm 2035, chiếm khoảng 62% dân số.

b) Dự báo về nhu cầu sử dụng đất:

- Diện tích đất tự nhiên toàn huyện: 21.987,2 ha.

- Đất xây dựng toàn huyện: Hiện trạng khoảng 7.090ha; đến năm 2025 khoảng 7.606 ha; đến năm 2035 khoảng 8.785 ha.

- Đất xây dựng đô thị: Hiện trạng khoảng 1.716,8ha; đến năm 2025 khoảng 1.915ha; đến năm 2035 khoảng 2.364 ha.

- Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn: Hiện trạng khoảng 2.461,6ha; đến năm 2025 khoảng 2.600 ha; đến năm 2035 khoảng 2.920 ha.

PHẦN II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

1. Phân vùng phát triển

Trên cơ sở Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội huyện Tuy Phước; Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035, tầm

nhìn đến năm 2050; hồ sơ quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đã được phê duyệt năm 2020. Huyện Tuy Phước nằm trong vùng phát triển khu đô thị động lực mới và khu sinh thái nông nghiệp, có thể phân thành 3 tiểu vùng phát triển kinh tế, cụ thể như sau:

a) Tiểu vùng 1 (Tiểu vùng trung tâm):

- Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính thị trấn Diêu Trì, thị trấn Tuy Phước, một phần các xã Phước An, Phước Lộc, Phước Nghĩa và Phước Thuận. Là khu vực trung tâm huyện Tuy Phước, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục đô thị.

- Định hướng phát triển: Phát triển dân cư đô thị chất lượng cao, trung tâm thương mại, dịch vụ, hệ thống cụm kho, bãi, dịch vụ logistics trên cơ sở khai thác lợi thế kết nối giao thông (QL.1A, QL.19 mới) kết nối với cảng Quy Nhơn

b) Tiểu vùng 2:

- Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Phước Thành và một phần các xã Phước An, Phước Lộc. Là khu vực đô thị cửa ngõ phía Tây Bắc của thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận; là khu vực đô thị dịch vụ mới, đầu mối giao thông quan trọng cấp vùng (đầu mối giao thông hành lang kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây khu vực Nam Trung Bộ; bao gồm giao thông đường bộ, đường sắt và cảng biển); nằm trong khu vực phát triển lan tỏa của Khu công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex VSIP Bình Định.

- Định hướng phát triển: Phát triển hệ thống kho bãi, dịch vụ logistics, các cụm công nghiệp, dân cư đô thị ở mức độ trung bình.

c) Tiểu vùng 3:

- Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính các xã Phước Sơn, Phước Hoà, Phước Hưng, Phước Thắng, Phước Hiệp, Phước Quang và một phần các xã Phước Thuận, Phước Lộc, Phước Nghĩa. Là vùng phát triển đô thị, nông nghiệp, dịch vụ du lịch gắn với bảo tồn các giá trị văn hoá di tích, cảnh quan, làng nghề truyền thống.

- Định hướng phát triển: Phát triển đô thị, thương mại dịch vụ, du lịch trên cơ sở trên cơ sở bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên tự nhiên, văn hóa khu vực phía Tây đầm Thị Nại. Phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khai thác và phát triển nuôi trồng thủy sản tập trung, kết hợp phát triển dân cư gắn với bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa di tích, cảnh quan, làng nghề truyền thống phục vụ du lịch.

2. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

2.1. Quy định đối với vùng, không gian phát triển công nghiệp

- Ưu tiên phát triển các Cụm công nghiệp, kho bãi, logistics tại khu vực các xã Phước An, Phước Thành, Phước Lộc gồm Cụm công nghiệp Phước An (không mở rộng); Cụm công nghiệp Tây Hoàng Giang (khoảng 66ha), Cụm công nghiệp Bình An (khoảng 75ha, bao gồm giai đoạn 1 khoảng 38ha); Cụm công nghiệp Quy Hội (khoảng 53ha), Cụm công nghiệp An Sơn (khoảng 30ha); Cụm kho bãi,

logistics Phước An - Phước Lộc (khoảng 130ha); Cụm kho bãi, logistics Phước Lộc - Phước Nghĩa (khoảng 120ha).

2.2. Quy định đối với vùng, không gian phát triển nông nghiệp

*** Phát triển trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp**

Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Tuy Phước được hình thành trên cơ sở hợp nhất Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông theo Quyết định số 5236/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của UBND huyện Tuy Phước; lấy Trạm Chăn nuôi và Thú y làm trụ sở của Trung tâm. Để hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện, Trung tâm cần thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ:

- Điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo tình hình dịch hại trên thực vật và dịch bệnh động vật trên địa bàn huyện;

- Triển khai thực hiện các quy trình kỹ thuật về trồng trọt, bảo vệ thực vật, chăn nuôi, thú y, nuôi trồng thủy sản áp dụng trên địa bàn huyện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;

- Thực hiện dịch vụ khuyến nông, cung ứng và tư vấn kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thú y thủy sản, vắc xin, thức ăn chăn nuôi và các loại vật tư, trang thiết bị thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, ngư nghiệp và ngành nghề nông thôn phục vụ người sản xuất;

- Tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, kỹ thuật, bồi dưỡng nghiệp vụ, cung cấp thông tin khoa học, kỹ thuật, thông tin thị trường cho nông dân để áp dụng vào sản xuất, kinh doanh;

- Phối hợp, liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp trong công tác đầu tư sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp cho nông dân; tổ chức xây dựng mô hình trình diễn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng, giống vật nuôi, giống thủy sản, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi và các loại vật tư khác cho nông dân...

*** Về phát triển nông - lâm - thủy sản**

a) Phát triển Vùng trồng trọt: Tập trung xây dựng theo mô hình cánh đồng mẫu lớn và cánh đồng tiên tiến. Trong đó vùng trồng lúa giống, lúa chất lượng cao tập trung ở các xã Phước Thuận, Phước Sơn, Phước Hòa, Phước Thắng, Phước Quang và Phước Hưng.

- Vùng ưu tiên phát triển các mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với bảo tồn phát triển các giá trị văn hóa, cảnh quan, làng nghề truyền thống phục vụ du lịch (thuộc xã Phước Hiệp và một phần các xã Phước Hòa, Phước Quang, Phước Hưng), trong đó ưu tiên phát triển vùng chuyên trồng lúa nước dọc phía Tây tuyến đường Cát Tiến - Diêm Vân.

- Vùng trồng rau, hoa ứng dụng công nghệ cao: Tập trung ở các xã Phước Hiệp, Phước Hòa, Phước An và Phước Sơn (Mỹ Cang). Trong giai đoạn 2023-2025 xây dựng làng hoa Bình Lâm (thôn Bình Lâm, xã Phước Hòa và thôn Tú Thủy, xã Phước Hiệp), vùng trồng rau ở Phước Hiệp khoảng.

b) Phát triển Vùng chăn nuôi:

- Định hướng phát triển 05 điểm chăn nuôi tập trung trên địa bàn huyện với diện tích khoảng tại các xã Phước Hưng, Phước Thành và Phước An, trên cơ sở liên kết, hợp tác và áp dụng công nghệ tiên tiến, từng bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa ngành chăn nuôi, phát triển hình thức chăn nuôi trang trại, công nghiệp, an toàn sinh học.

- Giảm phát triển chăn nuôi đại gia súc, chú trọng phát triển chăn nuôi gia cầm, trong đó tập trung phát triển sản xuất giống gia cầm, chăn nuôi gà thịt.

c) Phát triển Vùng lâm nghiệp:

- Quy hoạch diện tích đất lâm nghiệp khoảng 2.855,7ha (trong đó, Rừng sản xuất khoảng 2.517ha, rừng phòng hộ khoảng 338,7ha);

- Xây dựng và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng ven biển, hệ sinh thái rừng ngập mặn tạo vành đai rừng phòng hộ chắn sóng, chắn gió, chống sạt lở, bảo vệ các công trình ven biển, giảm nhẹ thiên tai do thiên nhiên gây ra; gắn bảo vệ, phát triển hệ sinh thái biển với phát triển du lịch sinh thái để hỗ trợ nhau cùng phát triển một cách hiệu quả bền vững.

d) Vùng nuôi trồng thủy sản:

- Vùng nuôi trồng thủy sản: Tập trung tại vùng hạ triều đê Đông thuộc các xã Phước Thuận, Phước Sơn, Phước Hòa và Phước Thắng; đầu tư thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng diện tích chuyên nuôi trồng thủy sản, trên cơ sở bảo đảm vệ sinh môi trường, không gây ô nhiễm nguồn nước, là nguồn thực phẩm tươi sống, phục vụ phát triển du lịch. 2.3. Quy định đối với vùng, không gian phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

2.3. Quy định đối với vùng, không gian phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

a) Phát triển thương mại dịch vụ:

- Chợ: Theo quy hoạch chợ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 09/2005/QĐ-UBND ngày 10/01/2005 của UBND tỉnh Bình Định, huyện Tuy Phước được quy hoạch 17 chợ (trong đó có 1 chợ loại 1; 3 chợ loại 2 và 13 chợ loại 3); bổ sung quy hoạch 01 chợ Cá khu Đông bắc ở xã Phước Sơn.

- Quy hoạch khu dịch vụ thương mại, nằm dọc theo QL19 mới; các trục đường chính của thị trấn Diêu Trì và thị trấn Tuy Phước; khu vực Logictis Phước Lộc.

b) Phát triển dịch vụ du lịch:

- Phát triển du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch trải nghiệm: Khu vực tiêu chủng viện Làng Sông, cảnh quan ven đầm Thị Nại thuộc các xã Phước Thuận, Phước Sơn, Phước Hòa và đặc biệt là khu sinh thái Cồn Chim - đầm Thị Nại.

- Phát triển du lịch di tích lịch sử, văn hóa trên cơ sở kết nối thành tua du lịch tham quan di tích văn hóa, lịch sử: Tháp Bánh Ít, mộ Đào Tấn, mộ Lê Đại

Cang, Nhà lưu niệm Chi bộ Đề Pô Diêu Trì, Chùa Bà, Tháp Bình Lâm, nhà lưu niệm Xuân Diệu, Chung Viện Làng Sông, Tu viện Nguyên Thiều, làng hoa Bình Lâm...

- Giữ gìn và tổ chức quy mô các lễ hội Chợ Gò, Đô thị Nước Mặn, đua thuyền truyền thống trên sông Gò Bồi.

- Phát huy hiệu quả thu hút du khách đối với ẩm thực địa phương: Nem chả Chợ Huyện, bánh ít lá gai ở thị trấn Tuy Phước, bánh hời Diêu Trì, bánh xèo tôm nhảy Mỹ Cang; đặc sản đầm Thị Nại.

Điều 4. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn.

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị

Đối với định hướng huyện Tuy Phước đạt chuẩn các tiêu chí đô thị loại IV và thành lập thị xã giai đoạn sau năm 2025: Qua rà soát, hiện nay tình hình kinh tế - xã hội của huyện Tuy Phước đang trong giai đoạn phát triển mạnh, với nhiều nguồn lực và tiềm năng to lớn dựa trên sự hình thành các dự án trọng điểm Quốc gia và của tỉnh; cùng với sự hình thành của các đô thị loại V gồm Tuy Phước, Diêu Trì, Phước Lộc, Phước Hòa và Phước Sơn (trong năm 2023) làm tăng nhanh tốc độ đô thị hóa trên địa bàn huyện. Do đó, huyện Tuy Phước có đầy đủ tiềm năng để phấn đấu đạt chuẩn các tiêu chí đô thị loại IV và hướng đến thành lập thị xã trong giai đoạn sau năm 2025 là phù hợp.

Định hướng huyện Tuy Phước hình thành và phát triển 5 đô thị loại V, trong đó có 2 đô thị hiện hữu (thị trấn Tuy Phước, thị trấn Diêu Trì) và 3 đô thị hình thành mới, cụ thể:

- Đến năm 2025 huyện Tuy Phước có 2 đô thị loại V hiện hữu là: thị trấn Diêu Trì và thị trấn Tuy Phước và 02 đô thị loại V hình thành mới là: Đô thị Phước Hòa, Phước Lộc, Phước Sơn.

- Đến năm 2035 huyện Tuy Phước có 5 đô thị loại V hiện hữu là: thị trấn Diêu Trì, thị trấn Tuy Phước, đô thị Phước Hòa, đô thị Phước Lộc và đô thị Phước Sơn.

2. Các trung tâm đô thị cấp vùng

a) Thị trấn Diêu Trì (đô thị loại V hiện hữu):

- Loại đô thị: năm 2025 đô thị loại V; năm 2035 đô thị loại V.

- Dân số: năm 2025: 37.000 người; năm 2035: 37.000 - 41.000 người.

- Tính chất:

+ Là thị trấn trung tâm dịch vụ của huyện.

+ Trung tâm dịch vụ, tài chính, thương mại gắn với hành lang kinh tế dọc trục Quốc lộ 1. Là trung tâm dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao.

+ Là trung tâm trung chuyên gắn với ga Diêu Trì, khu đô thị có chất lượng sống cao.

- Động lực phát triển đô thị:

+ Có lợi thế cạnh tranh về mặt giao thông và vị trí thuận lợi để phát triển trở thành đô thị hạt nhân phía Tây thành phố Quy Nhơn. Mở rộng không gian thị trấn về phía Tây gắn kết với các khu vực phường của thành phố Quy Nhơn, phát triển mô hình khu đô thị nén.

+ Phát triển đầu mối giao thông, trung tâm giao lưu thương mại - dịch vụ.

b) Thị trấn Tuy Phước (đô thị loại V hiện hữu):

- Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại V; năm 2035 đô thị loại V.

- Dân số: năm 2025: 23.500 người; năm 2035: 23.500 - 24.000 người.

- Tính chất: Là thị trấn huyện lỵ huyện Tuy Phước. Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội huyện Tuy Phước.

- Động lực phát triển đô thị: Nằm trên tuyến đường Quốc lộ 19 mới, kề cận với 02 trung tâm kinh tế lớn là thành phố Quy Nhơn và Khu kinh tế Nhơn Hội, tạo ra nhiều cơ hội thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Tuy Phước. Đô thị Tuy Phước, phát triển không gian gắn với đô thị Diêu Trì, cung cấp các dịch vụ hành chính, nhà ở, dịch vụ an sinh xã hội, trung tâm hỗ trợ ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp.

c) Đô thị Phước Hòa: Đến năm 2025 là đô thị loại V

- Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại V; năm 2035: đô thị loại V.

- Dân số: năm 2025: 20.500 người; năm 2035: 26.000 người.

- Tính chất: Là trung tâm dịch vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ giao thương.

- Động lực phát triển đô thị:

+ Nằm tuyến ĐT640, ĐT636B liền kề với 02 trung tâm phát triển năng động của tỉnh là thành phố Quy Nhơn, KKT Nhơn Hội, kết nối thành phố An Nhơn về phía Tây (dự án tuyến đường Lê Hồng Phong nối dài). Vì vậy, đô thị Phước Hòa có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển KT-XH.

+ Phát triển thương mại dịch vụ trên tuyến tỉnh lộ 640, dọc tuyến đường từ cầu Thị Nại 3 kết nối với tuyến Quốc lộ 19. Phát triển TTCN địa phương.

d) Đô thị Phước Lộc: Đến năm 2025 là đô thị loại V

- Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại V; năm 2035: đô thị loại V.

- Dân số: năm 2025: 18.000 người; năm 2035: 20.000 người.

- Đất xây dựng đô thị: năm 2025: 400 ha; năm 2035: 542 ha.

- Tính chất chức năng: Là đô thị thương mại dịch vụ logistics.

- Động lực phát triển đô thị:

+ Là tiền cảng của cảng Quy Nhơn, đặt tại khu vực cầu Gành, giao điểm của các trục giao thông quan trọng như đường sắt Bắc Nam, Quốc lộ 1, Quốc lộ 19, kết nối Bắc Nam đi Quảng Ngãi và Phú Yên, kết nối Đông Tây đi Pleiku - vùng Tây Nguyên ra biển Đông; được quy hoạch gắn kết với tuyến công nghiệp Nam Quốc

lộ 19.

+ Phát triển hệ thống công trình thương mại, dịch vụ, kho bãi, dịch vụ sửa chữa dọc Quốc lộ 1, hỗ trợ cho khu vực logistics khu vực cầu Gành.

e) Đô thị Phước Sơn:

- Loại đô thị: năm 2025: đô thị loại V; năm 2035: đô thị loại V.

- Dân số: năm 2025: 30.000 người; năm 2035: 40.000 người.

- Tính chất chức năng: Là đô thị thương mại dịch vụ logistics.

- Động lực phát triển đô thị:

+ Là vùng phát triển đô thị động lực mới phía Bắc thành Bắc thành phố Quy Nhơn. Phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ trên cơ sở bảo tồn và phát huy các giá trị tài nguyên tự nhiên, văn hóa khu vực đầm Thị Nại.

3. Định hướng phát triển khu dân cư nông thôn

- Phát triển khu dân cư nông thôn trên cơ sở ổn định hệ thống dân cư hiện có, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nội tại của địa phương. Phát triển các điểm dân cư tập trung ở khu vực trung tâm xã; ven các trục đường chính của xã và trên cơ sở lấp đầy theo dân cư hiện hữu.

- Định hướng 100% số xã và huyện Tuy Phước đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2025, xây dựng huyện nông thôn mới bền vững và phát triển. Tiếp tục xây dựng, nâng cao chất lượng 19 tiêu chí các xã nông thôn mới theo tiêu chí nâng cao và các tiêu chí huyện nông thôn mới theo hướng công nghiệp, hiện đại, đồng thời phải giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của địa phương.

Điều 5. Quy định về các công trình hạ tầng xã hội:

1. Trung tâm hành chính:

Khu trung tâm hành chính và các chuyên ngành cấp huyện được xây dựng tại thị trấn Tuy Phước, bao gồm các công trình như: UBND huyện, Huyện ủy, Công an, Tòa án, Trung tâm chính trị huyện, Bru điện, Kho bạc, Nhà công vụ, Chi cục thuế huyện Tuy Phước, khối phòng ban thuộc huyện,... có quy mô đầu tư xây dựng phù hợp với xu hướng phát triển tổ chức hành chính mới và định hướng phát triển của huyện.

2. Hệ thống công trình giáo dục đào tạo:

- Xây dựng đồng bộ mạng lưới cơ sở vật chất và trang thiết bị, đảm bảo đủ diện tích theo quy định của trường đạt chuẩn Quốc gia. Duy trì kết quả đã đạt được 100% xã có trung tâm học tập cộng đồng (gắn với xây dựng khu trung tâm văn hóa thể dục thể thao); chú trọng xây dựng các cơ sở đào tạo nghề, thí nghiệm, thực hành, sản xuất thử, gắn lý luận với thực tiễn sản xuất....

- Trường học: Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất các cơ sở giáo dục hiện hữu. Quy hoạch mới 01 Trường THPT tại xã Phước An; quy hoạch mới 02 Trường THCS tại khu vực mở rộng thị trấn Tuy Phước và Diêu Trì.

- Các khu vực dự kiến phát triển khu đô thị mới bố trí quỹ đất công cộng phục vụ khu ở, đảm bảo bán kính phục vụ.

3. Hệ thống y tế:

Phát triển đồng bộ hệ thống y tế trên địa bàn huyện, bao gồm mạng lưới khám, chữa bệnh và mạng lưới y tế dự phòng, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân; định hướng phát triển bệnh viện đa khoa tại khu vực đô thị Phước Sơn. Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa phát triển y tế, đảm bảo quỹ đất cho phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập trên địa bàn huyện.

4. Hệ thống Văn hóa, Thể thao:

Trung tâm văn hóa huyện đặt tại đô thị Tuy Phước, là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân toàn huyện; Phát triển hệ thống công trình văn hóa hiện đại gắn với đô thị, nông thôn, khu du lịch..., hoàn thiện các thiết chế văn hóa cấp xã, thị trấn.

Trong thời gian tới cần xây dựng đồng bộ cơ sở vật chất và trang thiết bị cho mạng lưới văn hóa, thể dục thể thao, phát triển các loại hình cơ sở đa chức năng (sân vận động, trung tâm văn hóa thể dục - thể thao, nhà văn hóa đa năng, câu lạc bộ thể dục thể thao, khu văn hóa thể thao và du lịch...). Thực hiện xã hội hóa hoạt động thể dục thể thao, đảm bảo quỹ đất cho các thành phần kinh tế và dân cư đầu tư phát triển thể dục thể thao. Xây dựng khu trung tâm thể dục thể thao mới tại thị trấn Tuy Phước.

Điều 6. Quy định về hạ tầng kỹ thuật

1. Giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- Đối với tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam; Tuyến đường ven biển (Cát Tiến - Diêm Vân); các tuyến đường QL.1, QL.19, QL.19 mới, tuyến kết nối QL19C xuống cảng Quy Nhơn; Tuyến đường sắt Bắc Nam; Tuyến đường sắt tốc độ cao thực hiện theo định hướng giao thông Quốc gia.

- Xây dựng mới Tuyến đường kết nối trung tâm thị xã An Nhơn với đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại, quy mô tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

- Xây dựng mới Tuyến đường phía Bắc huyện kết nối từ QL.1 đến Khu Kinh tế Nhơn Hội thông qua cầu Thị Nại 3 (hướng tuyến song song với đường ĐT.636 đi qua các xã Phước Hưng, Phước Quang, Phước Thắng và Phước Hòa), quy mô tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

b) Giao thông đối nội:

- Đầu tư xây dựng mới các tuyến đường gồm: Tuyến đường kết nối từ khu vực di tích Tháp Bánh Ít đến Tuyến đường kết nối trung tâm thị xã An Nhơn với đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại phục vụ phát triển du lịch; Tuyến đường kết nối từ ngã ba Điều Trì - QL.19C - phía Đông núi Sơn Triều đến QL.1 qua sông Tranh (xây dựng mới cầu Bà Gi 3); Tuyến đường kết nối Phước An, Phước Thành đi Khu đô thị Công nghiệp Becamex; Tuyến đường kết nối Phước An đi An Nhơn (kết nối với QL.19); Tuyến đường kết nối Phước Lộc, Phước An, Phước Nghĩa, Phước Hiệp,

Phước Quang với Tuyến đường trục Khu kinh tế; Tuyến đường kết nối ĐT.640 với đường Diêm Vân - Cát Tiến (Phước Thuận). Quy mô tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

- Hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn theo tiêu chí giao thông trong Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và phù hợp với chiến lược phát triển giao thông tỉnh Bình Định.

- Xây dựng tuyến giao thông thủy nội địa phục vụ du lịch trên Đầm Thị Nại.

- Xây dựng 01 Bến xe cấp vùng tại xã Phước Thành (khu vực nút giao giữa đường bộ Cao tốc Bắc - Nam và QL.19C); quy hoạch 01 bến xe cấp III tại khu vực đô thị Gò Bồi (phía Bắc).

- Xây dựng các bến thủy nội địa tại các đô thị Diêm Vân, Phước Sơn và Phước Hòa (đô thị Gò Bồi).

- Xây dựng các bãi đậu xe tại các trung tâm khu đô thị, các khu du lịch, trung tâm thương mại... đáp ứng nhu cầu phục vụ và phù hợp theo quy chuẩn, tiêu chuẩn có liên quan về quy hoạch xây dựng.

2. Chuẩn bị kỹ thuật:

a) Định hướng phòng chống lũ và thiên tai:

- Hoàn thiện việc nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đê, kè trên các tuyến sông và các trục tiêu thoát lũ trên cơ sở Kế hoạch quản lý lũ tổng hợp lưu vực sông Côn - sông Hà Thanh được phê duyệt.

b) Định hướng cao độ xây dựng: Đối với các khu vực đô thị và dân cư hiện trạng, cao độ xây dựng trên cơ sở cao độ nền hiện trạng của đô thị, dân cư hiện hữu; từng bước cải tạo nâng cao 0,3m ứng với chu kỳ mực nước ngập tính toán 50 năm (tương ứng tần suất lũ 2% + 0,3m). Đối với đô thị loại V khác cao độ xây dựng ứng với tần suất lũ 10% + 0,3m. Đối với khu dân cư nông thôn cao độ nền ứng với mực nước lũ cao nhất hàng năm + 0,3m. Đối với khu vực ven biển tính thêm cao trình mực nước biển dâng ứng với biến đổi khí hậu.

c) Định hướng thoát nước mặt: Đối với khu vực đô thị hiện hữu, sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng; khu vực đô thị phát triển mới, sử dụng hệ thống thoát nước riêng; khu vực nông thôn, sử dụng hệ thống thoát nước chung. Hướng thoát nước chính ra các Sông Hà Thanh, sông Côn và đầm Thị Nại.

5. Cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước toàn huyện đến năm 2025 khoảng 29.600 m³/ngày đêm; đến năm 2035 khoảng 42.350m³/ngày đêm.

- Tiếp tục sử dụng nguồn nước tại các Nhà máy cấp nước Hà Thanh, Phú Tài, Quy Nhơn và Cát Nhơn (huyện Phù Cát) để đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn; tập trung sử dụng nguồn nước cấp từ nhà máy nước sạch Quy Nhơn (giai đoạn 1) công suất 30.000 m³/ngày đêm, (giai đoạn 2) công suất 60.000 m³/ngày đêm. Tập trung đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng cao chất lượng nguồn cấp nước sạch tại các khu vực đô thị và vùng nông thôn.

6. Cấp điện

- Nhu cầu dùng điện đến năm 2025 khoảng 69.086kVA, đến năm 2035 khoảng 113.356kVA; sử dụng nguồn điện từ trạm 220kV Quy Nhơn.

- Công trình đầu mối cấp điện, lưới điện cao thế, lưới điện trung thế: Thực hiện theo quy hoạch và dự án của ngành điện, đáp ứng nhu cầu theo quy hoạch; cải tạo, nâng cấp tuyến điện hiện hữu, đảm bảo mỹ quan và an toàn cung cấp điện. Trong các khu vực đô thị, từng bước hạ ngầm hệ thống lưới điện đảm bảo mỹ quan đô thị.

7. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải:

- Quy hoạch hệ thống thoát nước thải nửa riêng cho khu vực cải tạo, chỉnh trang tại các khu dân cư thuộc xã, khu dân cư hiện hữu; tổ chức đi riêng hoàn toàn đối với các khu vực đô thị và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp xây dựng mới. Xây dựng hệ thống thu gom và xử lý riêng đối với nước thải tại các cơ sở y tế, bệnh viện đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành trước khi đầu nối xả thải vào hệ thống thoát nước thải chung.

- Trạm xử lý nước thải: Tại các đô thị và các khu, cụm công nghiệp quy hoạch hệ thống trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo quy mô công suất theo nhu cầu phát triển đô thị và sản xuất công nghiệp. Đối với các điểm dân cư nông thôn, làng xóm và các khu dân cư phân tán bố trí các trạm xử lý cục bộ; khuyến khích quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung cho các xã nông thôn khi đảm bảo điều kiện thuận lợi.

- Vị trí, quy mô công suất và hệ thống mạng lưới thoát nước thải sẽ xác định cụ thể theo quy hoạch xây dựng tiếp theo được phê duyệt.

b) Chất thải rắn:

- Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 225tấn/ngày; chất thải rắn công nghiệp khoảng 35 tấn/ngày. Tỷ lệ thu gom rác thải sinh hoạt đô thị đạt 90- 100%, rác thải công nghiệp đạt 100%.

- Tiến hành phân loại chất thải rắn tại nguồn. Đối với CTR sản xuất và y tế thông thường thu gom cùng CTR sinh hoạt, CTR nguy hại phải được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

- Chất thải rắn được thu gom đưa về Khu xử lý chất thải rắn Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn.

c) Nghĩa trang: Thực hiện việc quản lý và xây dựng theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn; cải tạo các nghĩa trang hiện trạng đảm bảo môi trường, cảnh quan chung; khoanh vùng, đóng cửa các khu nghĩa địa hiện hữu không phù hợp quy hoạch, từng bước di dời. Thực hiện chôn cất tại các nghĩa trang tập trung theo quy hoạch mới; khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng.

Điều 7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường.

1. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông

- Đối với đường bộ: Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định trong Luật giao thông đường bộ năm 2008; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07:4:2016/BXD – Công trình giao thông.

- Đối với đường thủy: Nội dung và phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và hành lang bảo vệ luồng quy định trong Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước

Quy định về vùng bảo vệ nhà máy, trạm cấp nước: Phải xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi súc vật. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0,5m và đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo QCVN 07:2016.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước

Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-2:2016/BXD – Công trình thoát nước.

Hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi: Thực hiện theo Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/04/2001 về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Luật Đê điều năm 2006.

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện

Quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện tuân thủ theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực và an toàn điện.

Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-5:2016/BXD – Công trình cấp điện.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin theo quy định tại QCVN 07-8:2016/BXD – Công trình Viễn thông và QCVN 33:2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải

Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-9:2016/BXD – Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang

Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-10:2016/BXD – Công trình nghĩa trang.

Điều 8. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa trong vùng.

1. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên

- Các vùng bảo tồn thiên nhiên đầm Thị Nại, vùng rừng cảnh quan, rừng trồng với hệ thống cây xanh ven sông Hà Thanh, ven đầm.... cấu trúc thành các vùng đặc trưng và đan xen giữa các khu vực đô thị - công nghiệp tạo sự phát triển cân bằng.

- Vùng cảnh quan bao gồm các vành đai cây xanh (khu vực phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, không gian xanh cảnh quan) bao quanh đô thị, mảng cây xanh dọc hai bên các trục đường đô thị.

- Khu vực hành lang bảo vệ dọc hai bên sông Hà Thanh, khu vực xung quanh đầm Thị Nại, ... là các vùng không gian mở với hệ thống mặt nước, cây xanh cảnh quan, tạo bản sắc đặc trưng cho Tuy Phước.

- Các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và vùng nuôi trồng thủy sản, gắn kết với các vùng cảnh quan và không gian mở tạo thành không gian cảnh quan nông nghiệp của huyện.

- Cấm xây dựng trong khu vực hành lang bảo vệ xung quanh đầm thị Nại, các công trình thủy lợi.

- Hạn chế xây dựng trong vùng vành đai bảo vệ hai bên tuyến đường QL1, QL19, QL 19 mới, dự án đường cao tốc Bắc – Nam, phía Đông đường Quy Nhơn - Cát Tiến, các khu đất quốc phòng, an ninh quản lý, các khu vực ven sông có nguy cơ sạt lở, không ổn định nền đất.

2. Quy định về bảo tồn khu di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị trong vùng.

Quy định chung: Thực hiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích theo Luật Di sản Văn hóa số 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hóa số năm 2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của

Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hóa; Nghị định số 710/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh.

PHẦN III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Quy định về tính pháp lý.

Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở:

- Lập kế hoạch đầu tư, xây dựng, nâng cấp đô thị, hồ sơ đề xuất khu vực phát triển, lập kế hoạch thực hiện các đồ án quy hoạch có liên quan.

- Lập và xét duyệt các đồ án quy hoạch chung xây dựng trên địa bàn huyện, dự án phát triển đô thị trên địa bàn huyện; dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khung; đề án nâng cấp và công nhận loại đô thị.

- Quản lý quá trình đầu tư và phát triển đô thị, thống nhất quản lý toàn diện các hoạt động về quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện theo đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt.

Điều 10. Phân công tổ chức thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn quản lý việc thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Tuy Phước phải thực hiện theo Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có đề xuất thay đổi thì phải báo cáo Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định. Việc điều chỉnh bổ sung hoặc thay đổi nội dung Quy định này phải được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định của Pháp luật và đồ án quy hoạch xây dựng vùng đã được phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm giám sát việc phát triển đô thị, nông thôn theo đúng điều chỉnh tổng thể quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, điều chỉnh tổng thể quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt để tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các quy hoạch chung đô thị.

5. Các cơ quan, đơn vị liên quan các cấp có trách nhiệm công khai, công bố, lưu giữ hồ sơ quy hoạch, cung cấp thông tin liên quan đến quy hoạch khi có tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định.

Điều 11. Quy định này được ấn hành và lưu giữ cùng với đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch xây dựng vùng huyện Tuy Phước đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../.../2023 tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết và thực hiện:

- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ban quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh.

- Ủy ban nhân dân huyện Tuy Phước.

- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn huyện Tuy Phước.